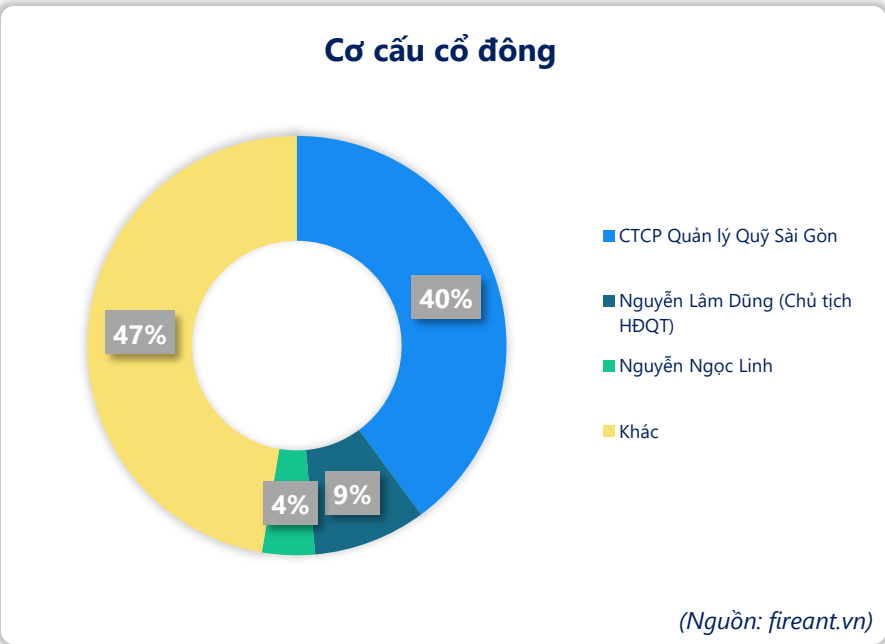
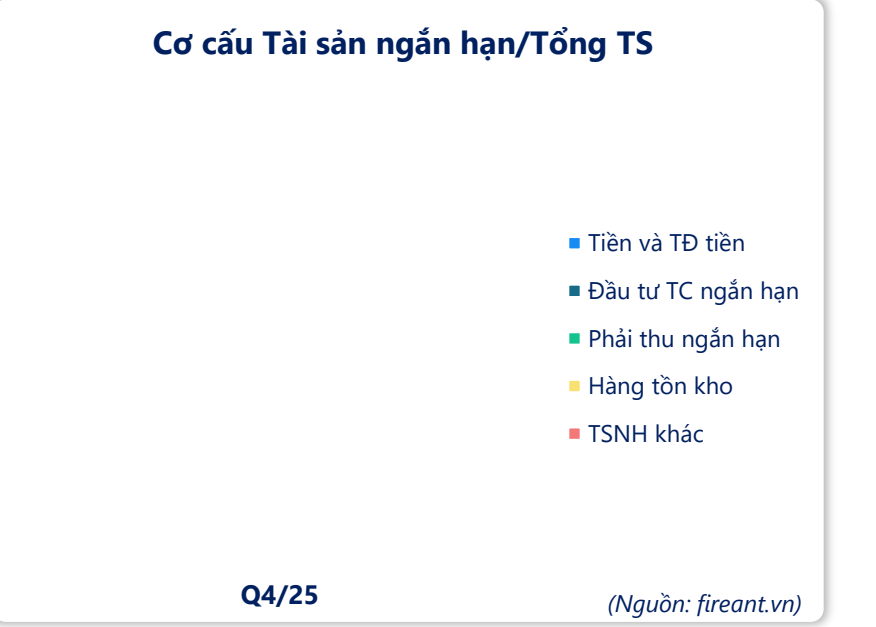
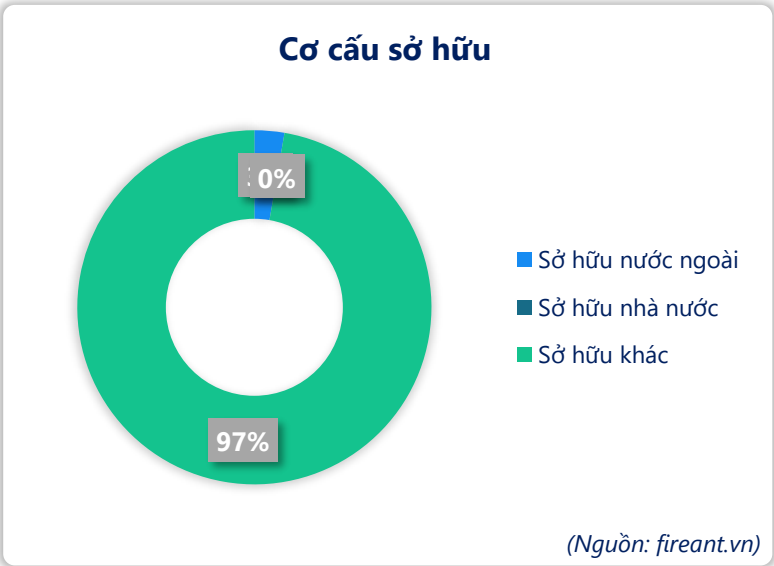
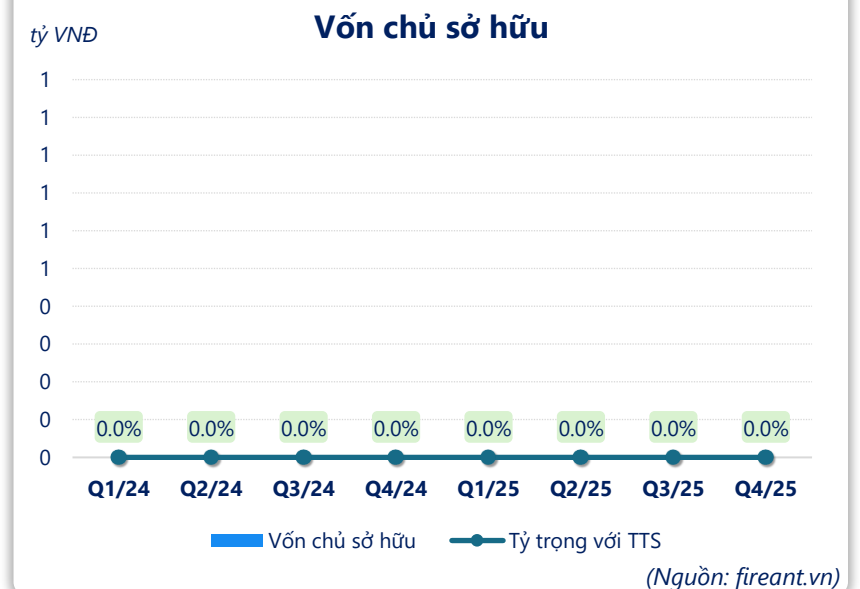
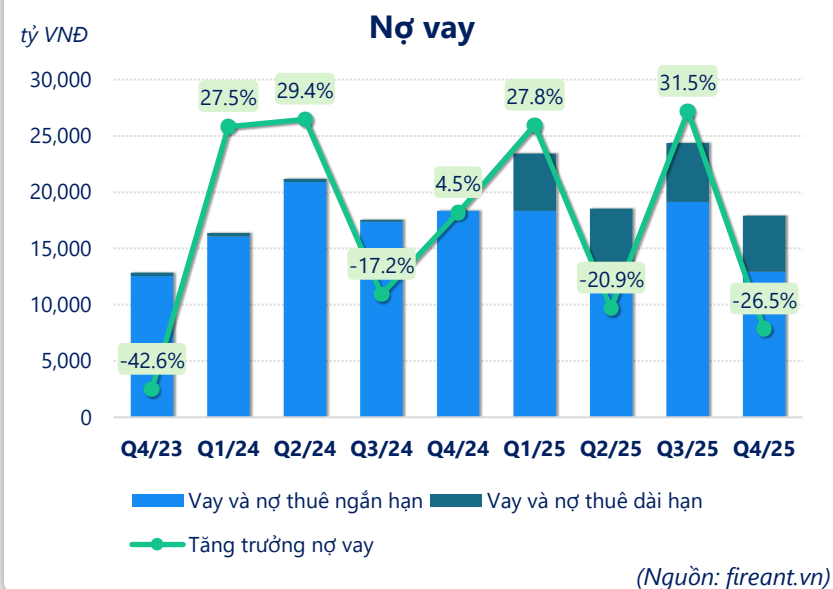
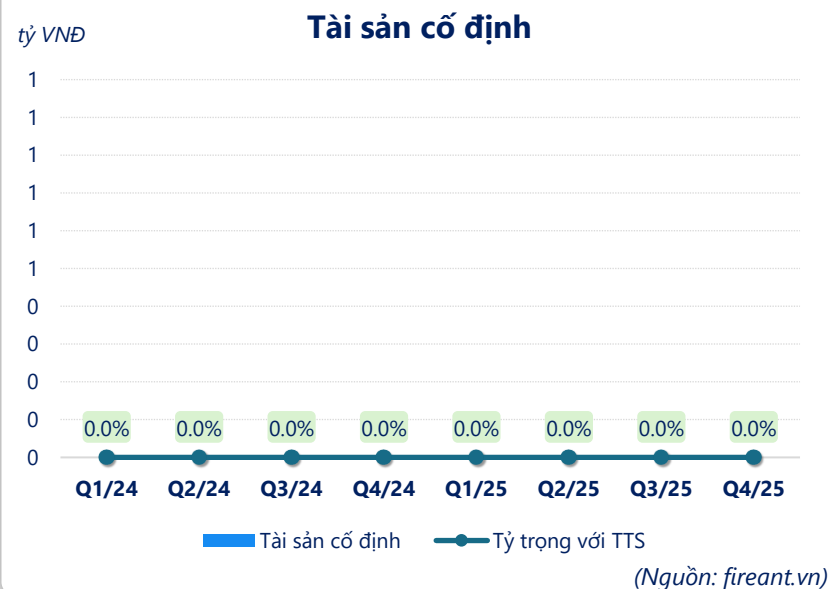
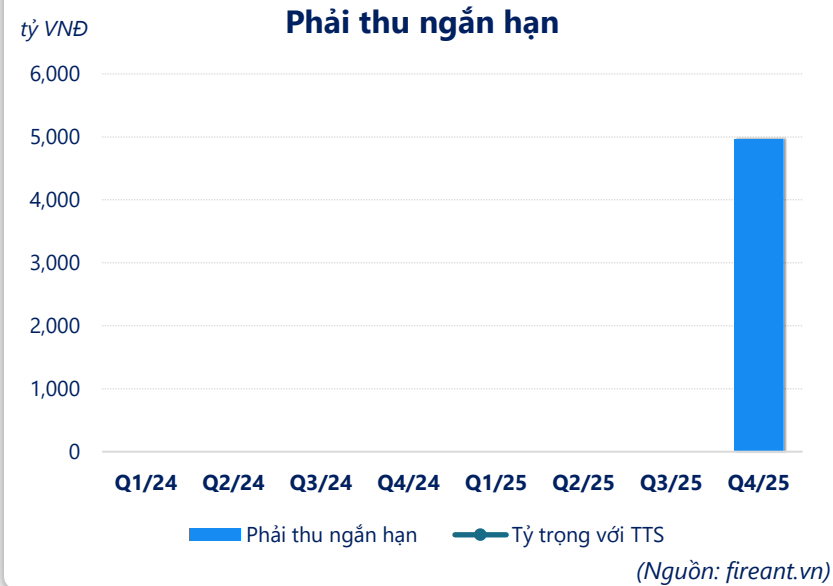
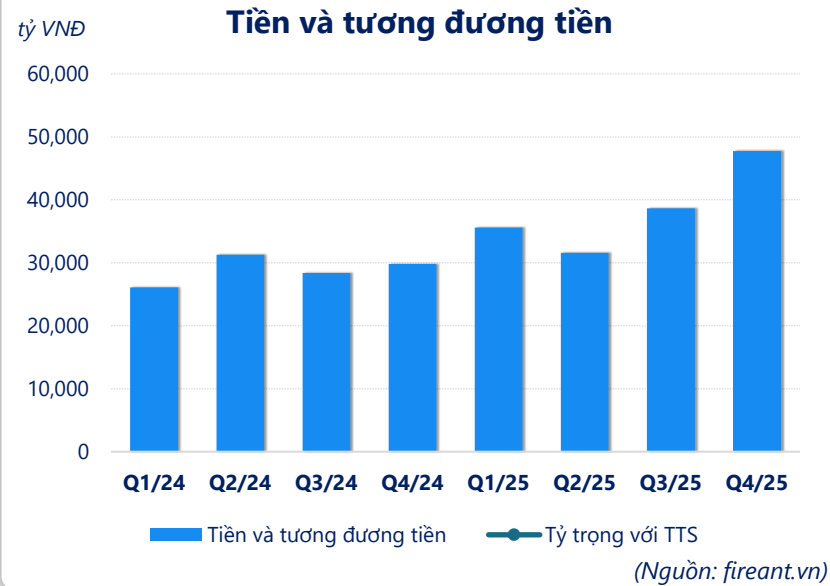
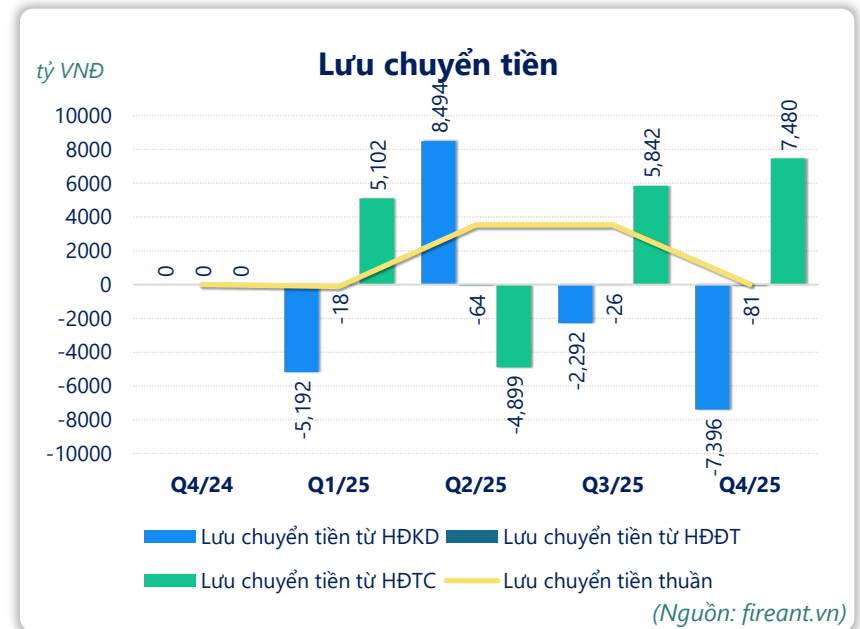
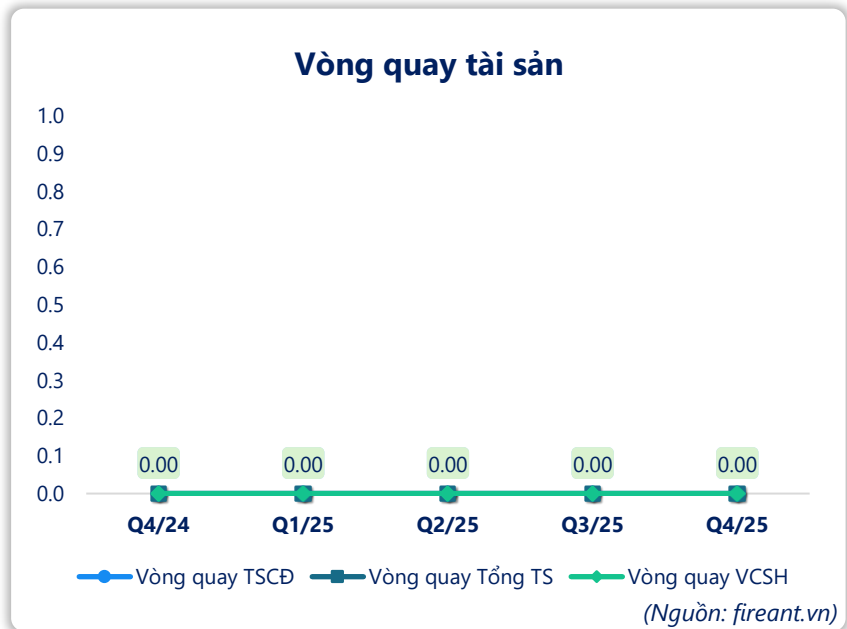
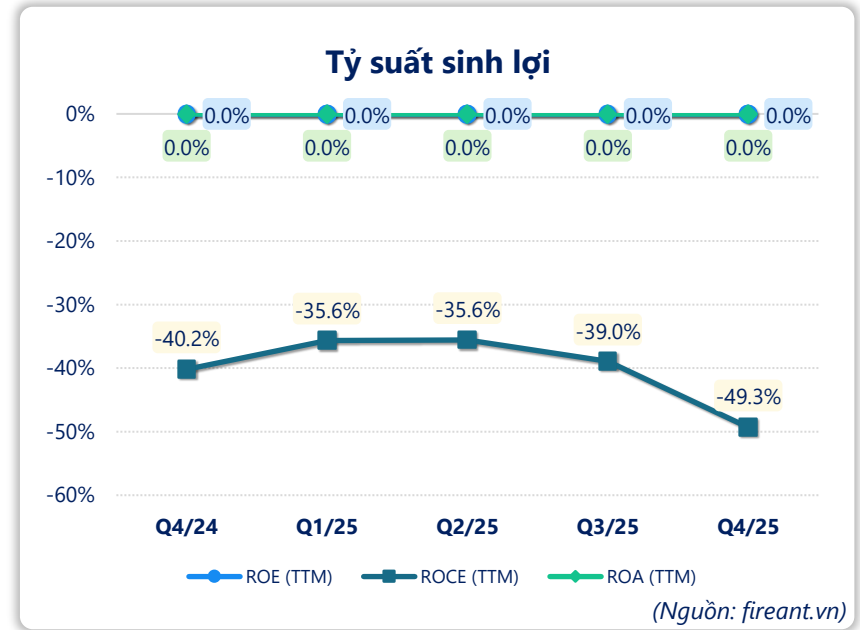
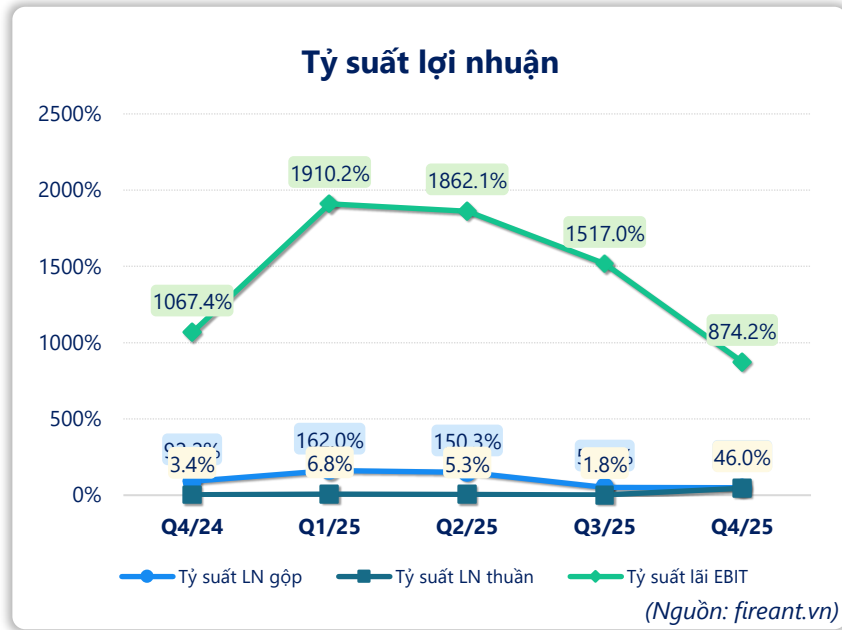
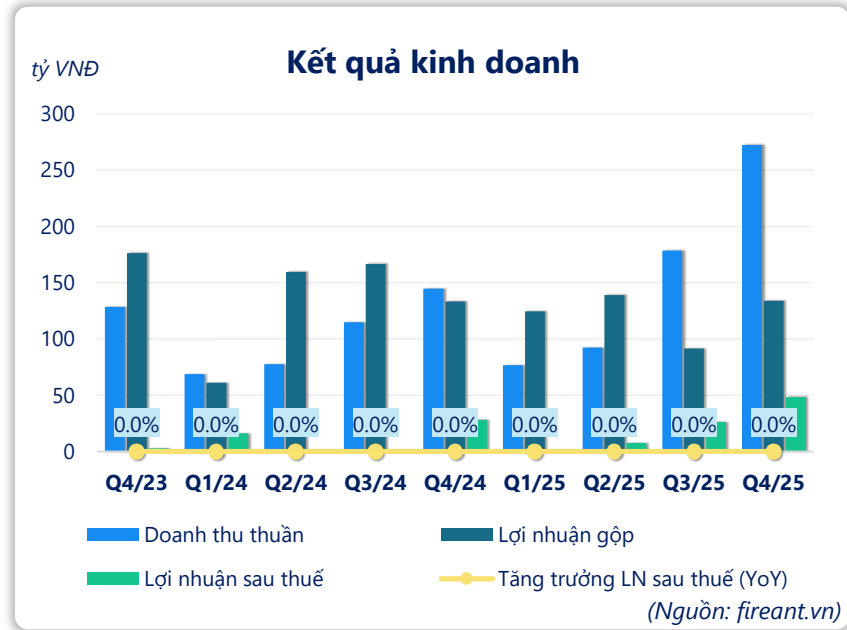


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		50,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		52,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		48,600
SL cổ phiếu LH		1,521,825,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,365,935
% sở hữu nước ngoài		2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		76,243
P/E		21.3
EPS		2,352

	YTD	1T	3T	6T
VCK		0.0%	0.8%	0.2%
VNINDEX		0.0%	1.7%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	47,773	29,824	60.2%
Tiền và tương đương tiền	47,755	29,797	60.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4,166	1,100	279%
Phải thu ngắn hạn	4,969	0	
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	15.3	19.0	-19.6%
Phải thu dài hạn	2.20	4.74	-53.4%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	587	496	18.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.69	3.40	96.8%
Lợi thế thương mại	10.2	10.2	0.2%
Nợ phải trả	19,567	19,005	3.0%
Nợ ngắn hạn	14,567	19,005	-23.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12,924	18,329	-29.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	5,000	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	145	76.9	92.6	179	272
Giá vốn hàng bán	0.27	22.3	27.8	44.6	3.45
Lợi nhuận gộp	133	125	139	91.5	134
Doanh thu HĐTC	144	120	145	124	91.9
Chi phí TC	458	503	530	706	765
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	12.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	618	579	748	1,523	921
Chi phí QLDN	0	0	0	0	0
LN thuần từ HĐKD	4.88	5.19	4.90	3.28	125
Lợi nhuận khác	23.1	22.3	25.0	28.2	31.4
LN trước thuế	1,544	1,468	1,724	2,708	2,367
Lợi nhuận sau thuế	28.2	0.18	7.76	26.2	48.4
LNST của CĐ cty mẹ	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-5,192	8,494	-2,292	-7,396
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-18.5	-63.9	-25.8	-80.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	5,102	-4,899	5,842	7,480
Tiền đầu kỳ	0	1,732	1,623	5,154	8,678
Lưu chuyển tiền thuần	0	-109	3,531	3,524	2.74
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	1,623	5,154	8,678	8,681

(Nguồn: fireant.vn)